

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49524 /CT-TTHT
V/v trả lời chính sách thuế

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH TAMRON Optical (Việt Nam)
(Địa chỉ: Lô 69B & 70A KCN Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội - MST: 0105885582)

Cục thuế TP Hà Nội nhận được công văn số TOV20170307 ngày 03/07/2017 của Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) hỏi về việc hướng dẫn cách tính thuế TNCN, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

+ Tại Khoản 1 Điều 1 hướng dẫn cách xác định cá nhân cư trú và không cư trú như sau:

"1. Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam, trong đó ngày đến và ngày đi được tính là một (01) ngày. Ngày đến và ngày đi được căn cứ vào chứng thực của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trên hộ chiếu (hoặc giấy thông hành) của cá nhân khi đến và khi rời Việt Nam. Trường hợp nhập cảnh và xuất cảnh trong cùng một ngày thì được tính chung là một ngày cư trú.

Cá nhân có mặt tại Việt Nam theo hướng dẫn tại điểm này là sự hiện diện của cá nhân đó trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo một trong hai trường hợp sau:

b.1) Có nơi ở thường xuyên theo quy định của pháp luật về cư trú...

b.2) Có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở, với thời hạn của các hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế...

2. Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện nêu tại khoản 1, Điều này..."

+ Tại Khoản 2 Điều 2 quy định các khoản thu nhập chịu thuế;

+ Tại Điều 3 hướng dẫn các khoản thu nhập được miễn thuế TNCN;

+ Tại Khoản 2 Điều 7 hướng dẫn thuế suất thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương tiền công như sau:

"2. Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công được áp dụng theo Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân..."

+ Tại Khoản 2 Điều 8 quy định cách tính thuế thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công như sau:

"2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công



a) Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công được xác định bằng tổng số tiền lương, tiền công, tiền thù lao, các khoản thu nhập khác có tính chất tiền lương, tiền công mà người nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 2 Thông tư này.

b) Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế.

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế.”

÷ Tại Điều 18 quy định căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công đối với cá nhân không cư trú.

“Điều 18. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (x) với thuế suất 20%.

2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định như đối với thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này...”

÷ Tại Khoản 1 Điều 25 hướng dẫn khấu trừ thuế TNCN như sau:

“1. Khấu trừ thuế

Khấu trừ thuế là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của người nộp thuế trước khi trả thu nhập, cụ thể như sau:

a) Thu nhập của cá nhân không cư trú

Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập chịu thuế cho cá nhân không cư trú có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trước khi trả thu nhập. Số thuế phải khấu trừ được xác định theo hướng dẫn tại Chương III (từ Điều 17 đến Điều 23) Thông tư này.

b) Thu nhập từ tiền lương, tiền công

...b.3) Đối với cá nhân là người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập căn cứ vào thời gian làm việc tại Việt Nam của người nộp thuế ghi trên Hợp đồng hoặc văn bản cử sang làm việc tại Việt Nam để tạm khấu trừ thuế theo Biểu lũy tiến từng phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam từ 183 ngày trong năm tính thuế) hoặc theo Biểu thuế toàn phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế)...

b.5) Số thuế phải khấu trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú được xác định theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này; của cá nhân không cư trú được xác định theo Điều 18 Thông tư này...”

÷ Tại Khoản 2 Điều 26 hướng dẫn nguyên tắc khai thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công như sau:

“...e.2) Cá nhân cư trú có thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công trong trường hợp số ngày có mặt tại Việt Nam tính trong năm dương lịch đầu tiên là dưới 183 ngày, nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên.

- Năm tính thuế thứ nhất: khai và nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày tính đủ 12 tháng liên tục.

- Từ năm tính thuế thứ hai: khai và nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch. Số thuế còn phải nộp trong năm tính thuế thứ 2 được xác định như sau:

$$\text{Số thuế còn phải nộp năm tính thuế thứ 2} = \text{Số thuế phải nộp của năm tính thuế thứ 2} - \text{Số thuế tính trùng được trừ}$$

Trong đó:

$$\text{Số thuế phải nộp của năm tính thuế thứ 2} = \text{Thu nhập tính thuế của năm tính thuế thứ 2} \times \text{Thuế suất thuế thu nhập cá nhân theo Biểu lũy tiến từng phần}$$

$$\text{Số thuế tính trùng được trừ} = \frac{\text{Số thuế phải nộp trong năm tính thuế thứ nhất} \times \text{Số tháng tính trùng}}$$

12

e.3) Cá nhân cư trú là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế trước khi xuất cảnh...”

- Căn cứ Khoản 8 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn khai thuế đối với cá nhân không cư trú có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận thu nhập ở nước ngoài như sau:

“8. Khai thuế đối với cá nhân không cư trú có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận thu nhập ở nước ngoài

a) Nguyên tắc khai thuế

a.1) Cá nhân không cư trú có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận tại nước ngoài khai thuế theo lần phát sinh. Riêng cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận tại nước ngoài khai thuế theo quý...”

- Căn cứ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 30/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế GTGT và thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế TNCN quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế:

+ Tại Khoản 3 Điều 21 sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 16 như sau:

“3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16

“2. Khai thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế

a) Nguyên tắc khai thuế

a.1) Cá nhân khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế là cá nhân sau đây:

...- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài...

b) Hồ sơ khai thuế

C.N
THU
NH PH
HÀ NỘI
G CỤC

b.1) Hồ sơ khai thuế quý

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế quý trực tiếp với cơ quan thuế theo Tờ khai mẫu số 02/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

b.2) Hồ sơ khai quyết toán

b.2.1) Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không thuộc trường hợp được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay thì khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo mẫu sau:

- Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

- Phụ lục mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC nếu có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc.

- Bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên bản chụp đó. Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

Trường hợp, theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.

- Bản chụp các hoá đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có).

- Trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài phải có tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài.”

+ Tại Khoản 6 Điều 24 sửa đổi, bổ sung các mẫu biểu, tờ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh và mẫu biểu, tờ khai thuế thu nhập cá nhân như sau:

“6. Sửa đổi các mẫu biểu số 05/KK-TNCN, 05-1/BK-TNCN, 05-2/BK-TNCN, 05-3/BK-TNCN, 02/KK-TNCN, 11/KK-TNCN, 11-1/TB-TNCN, 04-2/KK-TNCN, 07/KK-TNCN, 09/KK-TNCN, 03/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính bằng các mẫu biểu mới tương ứng số 05/QTT-TNCN, 05-1/BK-TNCN, 05-2/BK-TNCN, 05-3/BK-TNCN, 05/KK-TNCN, 03/BĐS-TNCN, 03/TBT-BĐS-TNCN, 04/UQ-QTT-TNCN, 02/KK-TNCN, 02/QT-TNCN, 06/TNCN ban hành kèm theo Thông tư này.”

- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định đối tượng áp dụng thuế nhà thầu như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hoá tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ và có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở Hợp đồng ký giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài với các doanh nghiệp tại Việt Nam (trừ trường hợp gia công và xuất trả hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước

ngoài) hoặc thực hiện phân phối hàng hoá tại Việt Nam hoặc cung cấp hàng hoá theo điều kiện giao hàng của các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms mà người bán chịu rủi ro liên quan đến hàng hóa vào đến lãnh thổ Việt Nam.”

Căn cứ các hướng dẫn trên, trường hợp Công ty TNHH Tamron Optical Foshan cử nhân viên sang làm việc tại Công ty TNHH Tamron Optical Việt Nam thì:

1. Về thuế TNCN:

- Trường hợp cá nhân người nước ngoài sang Việt Nam làm việc trên 183 ngày (thuộc đối tượng cá nhân cư trú theo Luật Thuế TNCN) thì:

+ Công ty TNHH Tamron Optical Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN đối với các khoản chi trả mang tính chất tiền lương, tiền công cho nhân viên trước khi chi trả theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

+ Cá nhân người nước ngoài có trách nhiệm kê khai phần thu nhập nhận được từ nước ngoài theo hàng quý trực tiếp với cơ quan thuế tại Tờ khai mẫu số 02/KK-TNCN

+ Cá nhân thực hiện kê khai quyết toán thuế TNCN theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC, Khoản 3 Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC nêu trên. Các khoản thu nhập chịu thuế bao gồm cả thu nhập được trả tại Công ty TNHH Tamron Optical Việt Nam (tiền trợ cấp hàng tháng, tiền thuê phòng...) và tại Công ty TNHH Tamron Optical Foshan (tiền lương hàng tháng trong thời gian làm việc tại Việt Nam) được xác định theo hướng dẫn tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

- Trường hợp cá nhân người nước ngoài sang Việt Nam làm việc dưới 183 ngày và không đáp ứng điều kiện là cá nhân cư trú theo quy định thì thực hiện kê khai thuế TNCN theo từng lần phát sinh tại mẫu 02/KK-TNCN như hướng dẫn tại Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC nêu trên. Các khoản thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân không cư trú được xác định như đối với thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú.

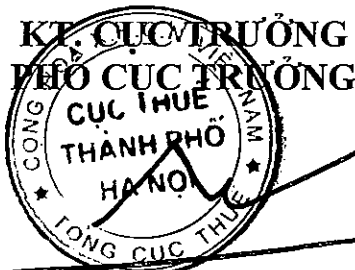
2. Về thuế nhà thầu:

Trường hợp Công ty TNHH Tamron Optical Việt Nam có chi trả chi phí hướng dẫn quản lý sản xuất (phí hỗ trợ kỹ thuật) cho Công ty TNHH Tamron Optical Foshan thì Công ty TNHH Tamron Optical Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ, kê khai nộp thuế nhà thầu trước khi chi trả cho Công ty TNHH Tamron Optical Foshan.

Cục Thuế TP Hà Nội thông báo để Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6;8)



Mai Sơn